

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2020

V/v ly hôn giữa anh D và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng;

2. Ông Vũ Đức Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 389/25/1/11 Đường L, khu phố 2, phường H, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 4, Th, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn D, có mặt chị Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai anh D trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn ngày 05/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không hợp nhau về tính cách và lối sống. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 03 người con chung

là cháu Nguyễn Thị Kim Ch, sinh ngày 01/02/2008, cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 22/8/2009 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/3/2016. Sau khi ly hôn, anh D đề nghị để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu và anh D sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H ở mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng kể từ tháng 06/2020 đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và công nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị nhất trí với những điều anh D đã khai về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị H xác định là do vợ chồng không hợp nhau thường bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Nay anh D có đơn xin ly hôn với chị, chị H có quan điểm đồng ý ly hôn với anh D. Về con chung, chị H có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Ch, Nguyễn Diệu L và Nguyễn Tường V (hiện cả ba cháu đang ở với chị H) và nhất trí anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm, đánh giá việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H. Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Ch, sinh ngày 01/02/2008, Nguyễn Diệu L, sinh ngày 22/8/2009 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/3/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí đối với anh D theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Nghĩa Phong, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh Nguyễn Văn D có đơn xin ly hôn chị Trần Thị H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt,

vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H kết hôn vào ngày 05/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Như vậy cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng ly thân không quan tâm chăm sóc tới nhau từ năm 2017 cho đến nay, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị H cũng không muốn níu giữ tình cảm, nhất trí thuận tình ly hôn với anh D. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh D và chị H là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim Ch, sinh ngày 01/02/2008, cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 22/8/2009 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/3/2016 (hiện các con đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng). Vợ chồng ly hôn anh D và chị H đều có quan điểm để chị H trực tiếp nuôi cả 03 con chung và anh D có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), mặt khác cháu Ch và cháu L cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ. Thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh D và chị H là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị H.

2 – Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị Kim Ch, sinh ngày 01/02/2008, cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 22/8/2009 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 08/3/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay cả ba cháu đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con tổng số tiền án phí anh D phải nộp là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001657 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh D còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh D. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương